

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỶ NẠI DA

## QUYỂN 19

*Học Xứ Thứ Năm: XIN Y TỪ NI KHÔNG PHẢI THÂN TỘC*  
(Tiếp Theo)

Lúc đó đức Bạc-già-phạm do Bí-sô Tiểu Quân nên quán ý nhạo tuyền miên căn tánh sai biệt của các Bí-sô Thích tử, nói pháp vi diệu xứng với đường cơ khiến cho năm trăm Bí-sô Thích tử này ngay nơi tòa ngồi tự chứng viên mãn, phá vô minh, đoạn hết hoặc trong ba cõi, chứng A-la-hán, thành tựu ba minh, sáu thông, tám giải thoát, được trí như thật, sanh tử đã hết phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau, tâm không chướng ngại như tay nắm hờ không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng cùng đất giống nhau không khác, đối với tất cả danh lợi thấy đều từ bỏ nên tất cả chư thiên đều cung kính. Lúc đó các Bí-sô đều sanh nghi niệm bạch Phật: “Thế Tôn thật là hy hữu, vì sao do Tiểu Quân Phật khiến cho năm trăm Bí-sô Thích tử xa lìa tham cầu, tu hạnh thiếu dục được quả thù thắng, vượt qua biển sanh tử, lên bờ Niết-bàn, cuối cùng trụ chỗ an ổn?”. Phật bảo các Bí-sô: “Đời này ta đã lìa dục sân si, không ái không thủ, đối với các ngã mạn thấy đều trừ bỏ, thoát khỏi các chi Hữu được Nhất thiết trí, chứng Vô thượng giác, do Tiểu Quân nên tán thán hạnh thiếu dục khiến cho năm trăm Thích tử ra khỏi biển sanh tử chứng đại Niết-bàn, điều này chưa phải là hy hữu. Nay các Bí-sô, trong đời quá khứ ta còn đầy đủ dục sân si, có ái có thủ, đối với các ngã mạn, sanh lão bệnh tử, ưu bi khổ não đều chưa trừ bỏ, luân hồi chi Hữu chưa được thoát khỏi, chưa chứng Nhất thiết trí, cũng do Tiểu Quân mà ta tán thán hạnh thiếu dục, quả trách đa tham khiến cho năm trăm người này được năm thông đầy đủ. Hãy lắng nghe, quá khứ ở nước Ba-la-nê-tư có vua tên là Phạm Ma Đạt Đa, một đại pháp vương nên trong nước không có chiến tranh, đao

binh cũng không có kẻ ác quấy phá; không có thiên tai và các dịch bệnh; thường được trúng mùa nên lúa mía trâu dê đều sung túc, dân chúng an cư lạc nghiệp. Phu nhân của vua tên là Diệu Phạm, trong thành có một cái ao lớn cũng tên là Diệu Phạm. Nhà vì không có con nên thường đến cầu đảo ở các miếu để cầu con, người đời nói rằng: Nếu do cầu đảo mà được con cháu thì quả là hư vọng, vì nếu cầu được con thì người cầu con ắt sẽ có ngàn đứa con như vua Chuyển luân, nhưng việc ấy không xảy ra nên biết là hư vọng. Thật ra muốn được con phải hội đủ ba duyên: Một là cha mẹ có tâm nhiễm, hai là bà mẹ hợp với thời lý có thai, ba là thân trung ấm hiện tiền. Hội đủ ba duyên này mới có con hoặc trai hay gái. Do nhà vua nhất tâm cầu con nên vào một thời gian sau có một hữu tình đối với Bồ đề vô thượng thế nguyện tu chứng, từ địa ngục thoát ra liền thác sanh vào thai của phu nhân Diệu Phạm. Khi phu nhân biết mình có thai vui mừng báo cho nhà vua biết: “Đại vương, thiếp nay đã có thai, thai nằm phía bên hữu nhất định là trai, sau này sẽ làm rạng rỡ quốc vị của Đại vương”. Nhà vua nghe rồi hết sức vui mừng, đặc biệt chăm sóc cho bà làm cho bà được vui sướng. Lúc đó phu nhân suy nghĩ: “Lành thay, nay ta muốn ở cửa thành Đông làm nhiều phước thí. Cửa Nam, cửa Tây, cửa Bắc và trong thành nội cũng vậy. Người bị ngục tù xiềng xích đều được phóng thích”. Nghĩ rồi liền bạch vua, vua nghe rồi đều làm cho phu nhân được toại nguyện, phu nhân toại nguyện rồi sau đó lại suy nghĩ: “Nay ta muốn đến nơi có suối rừng vườn hoa để du ngoạn”. Nghĩ rồi liền bạch vua, vua liền cùng phu nhân đi ngoạn cảnh, phu nhân toại nguyện rồi sau đó lại suy nghĩ: “Nay ta muốn đến trong ao Diệu Phạm, cùng các thể nữ du ngoạn bằng thuyền ngắm hoa thơm cỏ lạ”. Nghĩ rồi liền bạch vua, vua liền ra lệnh sắm một chiếc thuyền nhỏ cho phu nhân và các thể nữ du ngoạn, trong chuyến du ngoạn này phu nhân hạ sanh một nam ở trên thuyền, dung mạo đoan nghiêm ai nhìn cũng yêu mến... Khi vua hỏi các thân thuộc nên đặt tên cho bé là gì, trong thân tộc nói: “Hài nhi này sanh trên nước nên đặt tên là Thủy Sanh”. Nhà vua giao cho tám bà vú nuôi dưỡng... thái tử dần lớn lên như hoa sen trôi lên khỏi mặt nước. Thái tử trưởng thành liền suy nghĩ: “Ta từ cõi nào đã chết, đã từng tạo nghiệp gì mà đọa vào trong địa ngục Chúng Hợp”, liền nhớ lại quá khứ ở trong cõi người đã từng làm thái tử, do tạo nghiệp ác nên bị đọa vào địa ngục, nay trở lại trong cõi người cũng làm thái tử trong cung vua, nếu được lên làm vua tạo nghiệp ác cũng sẽ bị đọa trở lại trong địa ngục. Do biết được túc mạng nên thái tử liền đối lập phương tiện hiện tướng chân tay co quắp, thân không thể

đứng dậy được. Vào ngày thái tử Thủy sanh ra đời cũng có năm trăm hài tử của năm trăm vị đại thần ra đời, các đại thần thường dẫn các đồng tử này vào trong cung đến chỗ thái tử và chỗ nhà vua. Nhà vua nhìn thấy các đồng tử này liền suy nghĩ: “Nếu thái tử không bị bệnh tật thì có thể cùng các đồng tử này chơi giỡn vui đùa, nay thái tử tuy bị tật nhưng ta cũng nên lập lên làm vua”. Thái tử nghe biết liền suy nghĩ: “Vua cha vô sự muốn ân bức ta, ta nay nên câm không nói”. Thái tử Thủy sanh nay vừa què lại câm nên mọi người không gọi tên Thủy sanh nữa mà gọi là thái tử Câm què. Thấy vậy nhà vua thường ngồi chống tay vào cầm than thở, các quan nhìn thấy hỏi vì sao, vua nói: “Ta tuy làm vua giàu sang phú quý nhưng lại không có người kế thừa, vì thái tử nay vừa què lại câm, làm sao ta không ưu sầu”. Các đại thần nghe vua nói vậy liền cho mời danh y đến xem bệnh thái tử, các danh y sau khi xem bệnh đều không thấy thái tử có bệnh trạng gì, các căn đều tốt liền tâu vua: “E thái tử trong lòng có lo sợ điều gì mà không nói”. Nhà vua nghe các danh y nói như thế liền lập bày phương tiện muốn cho thái tử đi và nói nên cho gọi tên đao phủ đến dặn riêng: “Trước mọi người ta ra lệnh cho người đem thái tử ra hành quyết, người đưa thái tử đi nhưng không được giết”. Tên đao phủ y theo lời nhà vua dặn đặt thái tử lên xe chở ra ngoài thành đến chỗ hành quyết, lúc đó thái tử ngó quanh bốn phía thành thấy sinh hoạt hưng thịnh liền cất tiếng nói rằng: “Trong thành này tuy có người ở mà như hoang vắng không người”. Nghe thái tử nói lời này, tên đao phủ liền đem thái tử giao lại cho nhà vua và nói: “Đại vương, thái tử đã nói như vậy”. Nhà vua liền bồng thái tử vào lòng nói rằng: “Ai là cừu địch của con, cha sẽ trừng trị ngay; ai là bạn của con, cha sẽ ban ân huệ cho họ”. Tuy nhà vua ân cần han hỏi như vậy nhưng thái tử vẫn câm như trước, nhà vua lại ra lệnh đem giết, tên đao phủ chở ra ngoài thành đến chỗ hành quyết như lần trước, trên đường thấy bốn người đẩy một chiếc xe có người chết nằm trên đó, thái tử liền nói: “Người này là chết mà lại chết hay là sống mà chết?”. Tên đao phủ nghe rồi liền đem thái tử giao lại cho nhà vua, nhà vua cũng han hỏi như lần trước nhưng thái tử vẫn câm không nói. Nhà vua lại ra lệnh đem giết, trên đường đi đến chỗ hành quyết thấy một đồng lúa lớn, thái tử liền nói: “Đồng lúa lớn này nếu trước không ăn gốc rễ thì...”. Tên đao phủ nghe rồi liền đem thái tử giao lại cho nhà vua, nhà vua han hỏi như trước nhưng thái tử vẫn câm không nói, nhà vua liền bảo đem vào rừng cây chết đào hầm chôn sống, khi đến nơi thấy kẻ đào hầm xong thái tử liền nói kệ:

*“Ngự xa, người nghĩ sao,*

*Ta hỏi nên đáp ngay,  
Nơi đây gấp đào hầm,  
Mục đích để làm gì?”.*

Liên đáp:

*“Đại vương sanh con một,  
Câm lại không đi được,  
Vì vậy bảo đào hầm,  
Muốn chôn sống đứa con”.*

Thái tử nghe rồi suy nghĩ: “Tên đao phủ này trong lòng thảm độc tay cầm kiếm bén chỉ muốn giết người, giết người là nghề kiếm sống”, nghĩ rồi tâm liền kinh sợ vì nghĩ rằng tên đao phủ này sẽ quăng bỏ mình xuống hầm sâu, nên nói với tên đao phủ: “Nếu phụ vương thận theo ý nguyện của ta, miệng ta sẽ nói và chân ta sẽ đi bộ về thành”. Tên đao phủ sanh lòng hy hữu liền phi báo cho nhà vua, vua nói: “Nếu thái tử muốn vương vị ta sẽ trao ngay hưởng chi là sở cầu khác mà ta không thuận theo ý nguyện hay sao”. Vua vui mừng bảo quần thần: “Các khanh tức tốc sửa sang đường sá, rải hương hoa, treo cờ phướn, lọng báu đẹp đẽ”. Như kệ nói:

*“Quốc chủ nói ra lời,  
Hoặc là hàng chư thiên,  
Hay các vị chứng định,  
Theo ý việc đều thành”.*

Các quan vâng lệnh vua trang nghiêm đường sa, khắp nơi đều đẹp đẽ. Hay tin trăm ngàn dân chúng đều tụ họp trên các nẻo đường trông ngóng thái tử đi bộ về thành. Lúc đó thái tử Câm què đi bộ về thành đến chỗ nhà vua, kính lễ dưới chân rồi nói kệ:

*“Phụ vương nay nên biết,  
Con không phải câm què,  
Cũng chẳng phải ngu khờ,  
Sợ khổ nên như thế,  
Con có chân đi được,  
Có miệng nói năng được,  
Sợ vào đường ác khổ,  
Cho nên làm như thế”.*

Vua nói: “Này con yêu, nếu sự thật là vậy sao con không nói cũng không đi, con nói sợ là sợ cái gì?”. Thái tử nói kệ:

*“Xin vua cha lắng nghe,  
Con nói duyên cớ này,*

Con vào thời quá khứ,  
 Trải qua sáu mươi năm,  
 Đã được làm thái tử,  
 Thọ đủ năm dục lạc,  
 Do vậy sáu ngàn năm,  
 Đọa vào ngục Nê lê,  
 Chịu khổ não vô cùng,  
 Không thể nào nói hết,  
 Nghiệp hết mới ra khỏi,  
 Trở lại được làm người,  
 Con nhớ việc quá khứ,  
 Sợ lại đọa địa ngục,  
 Nên không muốn làm vua,  
 Cha cho con vào rừng”.

Vua nói: “Này con yêu, cha vốn cầu đảo, tu các thắng hạnh, lập các hồi thí, cúng dường tiên nhơn mới sanh được con để kế thừa vương vị, sao nay con lại muốn xuất gia”. Thái tử nói kệ:

“Con không cầu thọ dục,  
 Oán tranh do dục sanh,  
 Nguyên tu chơn phạm hạnh,  
 Mới hoại được oán địch,  
 Con không cầu thọ dục,  
 Dục như là trái độc,  
 Nguyên tu chơn phạm hạnh,  
 Thường hưởng vị cam lồ”.

Vua nói kệ:

“Điều thế gian ưa thích,  
 Ngôi vua là hơn hết, Có  
 sao ngày nay con, Bỏ  
 nó cầu lìa tục?”.

Thái tử nói kệ:

“Cuối cùng cũng sanh khổ,  
 Thì không gọi là vui,  
 Cốt cầu được chơn lạc,  
 Khổ mới thật không còn,  
 Xin vua cha cho con,  
 Bỏ tục vào trong rừng”.

Vua nói: “Này con yêu, thân con nay ở lâu các có hương hoa ngào

ngạt, có nệm giường êm dịu, ngủ nghỉ được an ổn, có âm thanh sáo trúc để thưởng ngoạn, mặc y phục thượng diệu tùy thời thích nghi, lại ăn những thức ăn ngon lạ tùy tình thọ hưởng. Nếu con xuất gia trụ nơi núi rừng, ngủ trên lá khô, chung quanh có hổ lang sư tử kêu rống kinh hoàng, mặc áo bằng vỏ cây, ăn những củ trái dại, uống nước sông nước suối. Tại sao con lại bỏ nếp sống vinh hoa để sống trong núi rừng hoang dã?”. Thái tử nói kệ:

*“Thà ở núi rừng, mặc áo thô,  
Ở cùng lang hổ, ăn củ trái,  
Không làm quốc vương hằng sát phạt,  
Đời sau quả thiện cùng trái nhau,  
Xin cha cho con ẩn núi rừng,  
Ý muốn siêng tu hướng Niết-bàn”.*

Vua nói: “Này con yêu, con hãy đoạn nghi cho cha trước, con muốn xuất gia không phải là điều khó. Lần thứ nhất khi con thấy nếp sống thịnh vượng trong thành, con nói rằng: Trong thành này có người ở mà như hoang vắng không người. Ý gì mà con lại nói như thế?”. Thái tử nói: “Phụ vương lắng nghe, khi cha vô sự sai người giết con nhưng lại không có một người nào đứng lý can ngăn: Vì sao Đại vương hạ lệnh giết thái tử. Do duyên cố này nên con nói như thế”. Vua nói: “Câu nói này hay lắm, lần thứ hai khi con thấy khiêng người chết đi, con nói rằng: đây là chết mà lại chết hay là sống mà chết. Ý gì mà con lại nói như thế?”. Thái tử nói: “Phụ vương lắng nghe, nếu có người tự làm hạnh ác mà chết, đó là chết mà lại chết; nếu có người tự làm hạnh lành mà chết, đó là sống mà chết. Do ý nghĩa này nên con nói như thế”. Vua nói: “Câu này cũng hay lắm, lần thứ ba khi con thấy đồng lúa lớn, con nói rằng: đồng lúa lớn này nếu trước không ăn gốc rễ thì... Ý gì mà con nói như thế?”. Thái tử nói: “Phụ vương lắng nghe, người nông dân kia đến người khác mượn tiền trước để có vốn về làm ruộng. Đến mùa lúa chín gặt thành một đồng lúa lớn thì người chủ nợ lại đến lấy hơn phân nửa để trừ nợ. Nếu trước không mượn tiền người khác thì nay còn nguyên một đồng lúa lớn. Loài người cũng vậy, do hành thập thiện mới được làm người, nếu lại tạo ác không tu nghiệp thiện, căn lành đời trước liền tiêu hết. Căn lành đã mất thì mất luôn con đường lành, nếu cùng với đường ác trái nhau thì không có mất. Do ý nghĩa này nên con nói như thế”. Vua nghe rồi vui mừng nói rằng: “Câu nói này càng hay hơn nữa”. Nói rồi liền ôm thái tử nghẹn ngào rơi lệ nói: Nếu ý chí con đã quyết thì con cứ tùy ý tu hành nghiệp thiện, sau này cha cũng sẽ theo con vào trong núi

rừng”. Nói rồi vua liền hỏi các quan: “Nếu thái tử không xuất gia thì sẽ như thế nào?”, các quan đáp: “Thái tử sẽ là quốc vương”, vua lại hỏi: “Khi ấy các khanh sẽ như thế nào?”, các quan đáp: “Chúng tôi sẽ là tùy tùng”, vua lại hỏi: “Nay thái tử đã xuất gia sao các khanh không cho các con theo tùy tùng?”, các quan đồng tâu: “Xin tuân lệnh đại vương, chúng tôi sẽ bảo các con xuất gia theo thái tử”.

Cách thành không xa có một tỉnh xứ, nơi đó có một tiên nơn tu chứng năm thông, bảm tánh từ bi thương xót tất cả nên thái tử cùng năm trăm tùy tùng đến chỗ tiên nơn cầu xuất gia. Sau khi cho thái tử và năm trăm tùy tùng xuất gia, vị tiên nơn liền giảng dạy pháp yếu, không bao lâu sau thái tử chứng được năm thông. Sau đó tiên nơn qua đời, thái tử như pháp làm lễ hỏa táng, bắt đầu từ đó thái tử đích thân giáo huấn năm trăm người tùy tùng. Tuy thái tử được gọi là “Toại Ấn” nhưng danh hiệu “Đại sư Cầm què” lại nổi danh hơn. Lúc đó Đại sư Cầm què suy nghĩ: “Tại sao năm trăm đệ tử này không chứng được năm thông, há chẳng phải do họ chứa nhiều áo da nai... với nhiều vật dụng và rau trái hoa quả để tự cung phụng mình, khiến cho cơ thể thường lao nhọc nên không chứng được năm thông, Nếu ta quở trách họ thì tâm họ không do đâu được khai giải, ta nay nên dạy họ pháp thức tu Bồ-đề-tát-đỏa vô thượng để khéo léo hóa độ họ”. Nghĩ rồi Đại sư liền bảo các Ma-nạp-bạc-ca: “Nay ta muốn trong ba tháng Hạ này trụ trong im lặng, đừng cho một người nào tự tiện đến gặp ta, trừ người mang thức ăn tối và vào ngày thứ mười bốn trưởng tịnh trong tháng”. Các đệ tử vâng lời Đại sư dạy liền cùng lập chế: Trong ba tháng không một người nào tự tiện đến gặp Đại sư, trừ người mang thức ăn tối và vào ngày trưởng tịnh, nếu vị nào trái chế sẽ phải thuyết hối tội Ba-dật-đề-ca. Tuy Đại sư trụ im lặng ở trong trú xứ này nhưng khi thấy một con chim bay liền nói: “Thiện lai, phi điều, ta với người việc ra làm giống nhau. Người tìm thức ăn chỉ đủ no bụng sanh niệm tri túc; Ta thọ vật thực cũng chỉ để no lòng khởi tâm biết đủ”. Khi thấy một con nai liền nói: “Lành thay, nai rừng đến đây, ta với người việc ra làm giống nhau... như trên”. Các đệ tử nghe Đại sư nói chuyện với chim, nai đều suy nghĩ: “Há chẳng phải Đại sư đã bỏ cấm chế trụ trong im lặng hay sao?”. Nghĩ rồi liền cùng nhau đi đến chỗ Đại sư kính lễ rồi ngồi một bên, nhưng Đại sư vẫn im lặng không nói. Các đệ tử suy nghĩ: “Há chẳng phải Đại sư chỉ nói chuyện với bàng sanh chứ không nói chuyện với người”, nghĩ như thế rồi liền bỏ đi. Thời gian sau bỗng có người con của Bà-la-môn tên là Năng Thí đến trú xứ này, Đại sư từ xa trông thấy gọi: “Thiện lai Năng Thí, ta với người việc



ra làm giống nhau. Người chỉ thọ trì một chiếc áo da nai, một vật dụng cần dùng, Ta cũng vậy. Người tìm thức ăn chỉ cần no bụng sanh niệm tri túc, ta thọ vật thực cũng chỉ để no lòng khởi niệm biết đủ. Không giống những người khác ở đây chứa nhiều áo, các tạp vật và rau trái, tìm cầu nhọc mệt”. Các đệ tử nghe Đại sư nói lời này đều suy nghĩ: “Nay Đại sư khen ngợi thiếu dục, chê bai đa cầu. Xét ý thú này là do thấy chúng ta tham chứa để tìm cầu nên loại bỏ chúng ta. Chúng ta nên quán áo da nai, các tạp vật... như bình tật, như tên độc, như ung nhọt nên quăng bỏ xuống sông. Chúng ta từ nay chỉ nên mặc một áo da nai và tạp vật mỗi thứ chỉ một cái mà thôi”. Nghĩ rồi liền quăng bỏ các vật dư xuống sông, chỉ còn mỗi thứ một cái tùy thân rồi cùng đến chỗ Đại sư, Đại sư liền quán căn cơ mà nói pháp khiến cho tất cả năm trăm người đều chứng được năm thông.

Lúc đó Thế Tôn bảo các Bí-sô: Đây các Bí-sô, Đại sư Cầm què chứng được năm thông thuở ấy chính là thân ta, ta đem hạnh Bồ tát giáo hóa hữu tình. Năm trăm đệ tử thuở ấy chính là năm trăm Bí-sô Thích tử; Năng Thí thuở ấy chính là Tiểu Quân. Xưa kia ta do năng Thí mà khiến cho năm trăm đệ tử xa lìa đa tham, tu hạnh thiếu dục và chứng được năm thông. Nay ta cũng do Tiểu Quân mà khiến cho năm trăm Bí-sô Thích tử buông bỏ đa cầu, hành hạnh tri túc, được đầy đủ sáu thông, chứng quả A-la-hán, cứu cánh an trụ trong thành tịch diệt. Các thầy nên biết, tạo nghiệp thuần đen thì được quả Dị thực thuần đen, tạo nghiệp thuần trắng thì được quả Dị thực thuần trắng, tạo nghiệp tạp thì được quả Dị thực tạp. Vì vậy các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp tạp, nên siêng năng tu nghiệp thuần trắng. Quán nhân duyên này các thầy nên tu học”. Đây là duyên khởi nhưng Thế Tôn chưa chế học xứ cho các Bí-sô.

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Phật chưa cấm Bí-sô ni trụ nơi A-lan-nhã, cho nên chư ni thường đến trong rừng vắng tu tập tĩnh lự thọ lạc trong thắng định. Lúc đó Bí-sô ni Liên-hoa-sắc cùng năm trăm đồ chúng đi đến trong rừng tối ngôi bán già nhập Diệt tận định dưới một gốc cây. Đến xế chiều các ni muốn trở về trú xứ trong thành Thất-la-phiệt, một vị ni nói: “Chúng ta nên gọi Thánh giả Liên-hoa-sắc xuất định để cùng đi”, ni khác nói: “Thánh giả có đại oai thần, nếu cần có thể trở về trú xứ trước chúng ta”. Do vậy các ni lặng lẽ trở về thành Thất-la-phiệt, đến chiều tối Liên-hoa-sắc mới xuất định, nhìn khắp thấy không có ai, biết là chư ni đã trở về trước bèn suy nghĩ: “Ta nên vào thành hay ở lại đây”, nghĩ rồi quyết định ở



lại nên liền nhập định.

Đêm đến có đám giặc năm trăm người sau khi trộm cướp xong đến trong rừng này cùng nhau bàn bạc là phân nửa ở đây chia tài vật đã cướp được, còn phân nửa đi canh phòng. Nhóm đi canh phòng phát hiện ra Thánh giả đang nhập định không biết là người hay là gốc cây, trong nhóm có một vị tu hoàn tục nói: “Đây là Bí-sô ni”. Đám giặc nghe rồi liền khởi niệm: “Trong rừng tối này là nơi đáng sợ mà Bí-sô ni lại ngồi nhập định ở đây, thật là hy hữu”. Khi trở về chỗ chừa giặc, chúa giặc hỏi: “Các vị đi canh phòng có thấy điều gì lạ không?”, đáp: “Có, trong rừng tối đáng sợ này lại có một Bí-sô ni ngồi nhập định”. Chúa giặc nghe rồi liền cùng đám giặc đi đến đó xem, đến nơi thấy một Bí-sô ni dung mạo đoan nghiêm, oai nghi tịch định, vừa nhìn liền sanh kính tín. Chúa giặc liền khen ngợi: “Trong rừng này có hai điều khả ái: Một là ánh trăng đẹp, hai là dung mạo khả ái của Bí-sô ni”. Chúa giặc bảo đánh thức cô để chúa giặc cúng dường nhưng vị tu hoàn tục ở trong đám giặc nói: “Bí-sô ni không ăn phi thời”, chúa giặc liền khen ngợi: “Trong rừng này có hai điều khả ái: Một là dung mạo đoan nghiêm, hai là không ăn phi thời”. Chúa giặc lại muốn mời uống rượu, vị tu hoàn tục liền nói: “Bí-sô ni không uống rượu”, chúa giặc liền khen ngợi: “Trong rừng này có hai điều khả ái: Một là dung mạo đoan nghiêm, hai là không uống rượu”. Chúa giặc lại nói: “Nay ta may mắn gặp được thượng phước điền mà lại không dâng cúng gì được”, nói rồi liền lấy tám bạch điệp quý giá gói thức ăn thượng diệu treo lên cây nói rằng: “Nếu đúng như nghi dung tịch định của Thánh giả thì không việc gì là không hay, không việc gì là không biết. Nay tôi treo y thực trên cây này, mong Thánh giả từ bi thọ dụng”, Chúa giặc nói xong liền cùng đám giặc bỏ đi.

Qua sáng mai Liên-hoa-sắc xuất định thấy chung quanh có nhiều dấu chân người liền nhập định quán, biết là dấu chân của năm trăm giặc cướp đến đây rồi đi, nhìn lên trên cây thấy có y thực biết là do tâm tịnh kính tín của giặc cướp mà được, cô nghĩ: “Nếu ta đợi có người đến trao thức ăn thì sợ có cầm thú đến làm hoại vật tịnh thí này, ta nên đem thức ăn này hiến cúng cho tăng già. Như Phật đã dạy, nếu đối với ni là ác xúc thì đối với tăng là tịnh, ngược lại nếu đối với tăng là ác xúc thì đối với ni là tịnh”. Nghĩ rồi cô liền mang thức ăn này đến trong rừng Thệ-đa, lúc đó Ô-ba-nan-đà đang đi kinh hành ở trước cửa ngõ, thấy Bí-sô ni đi đến liền hỏi: “Đại muội, trời chưa sáng cửa thành đã mở rồi sao?”, đáp: “Đại đức, chẳng phải tôi từ trong thành đến mà từ trong rừng Tối đến”, Ô-ba-nan-đà nói: “Đại muội, ban ngày tôi vào trong rừng ấy còn

thấy sợ, lông tóc dựng đứng, tại sao Đại muội lại ở lại đêm trong rừng ấy?”. Liên-hoa-sắc liền kể lại sự việc đêm qua rồi nói: “Đây là y thực của đám giặc để lại cho với lòng tịnh tín”, Ô-ba-nan-đà nói: “Đại muội, do oai nghi tịch định của cô mà đám giặc sanh kính ái cúng cho vật thực này. Tôi nếu có tấm bạch điệp tốt này để may y Tăng-già-chi hai lớp, trụ trong thiếu dục, tu các phẩm thiện thì tốt quá”. Liên-hoa-sắc liền hỏi: “Đại đức cần tấm bạch điệp này không?”, đáp: “Nếu cô có dư thì tùy tình xử phân”. Liên-hoa-sắc nói: “Đại đức đợi tôi mang thức ăn này dâng cúng cho Tăng, khi trở lại sẽ cúng bạch điệp này cho đại đức”. Ô-ba-nan-đà nghe rồi liền suy nghĩ: “Nếu các Hắc-bát khác trông thấy tấm bạch điệp này chắc chắn sẽ xin thì ta không do đâu được”, nghĩ rồi liền nói: “Cô hãy đứng ở đây, tôi kêu người ra lấy thức ăn đem vào”, nói rồi liền vào bên trong, thấy có một người đứng rồi rãi liền bảo ra cửa nhận lấy thức ăn mang vào. Vị này ra nhận lấy thức ăn, Liên-hoa-sắc dâng thức ăn rồi liền giữ sạch tấm bạch điệp đưa cho Ô-ba-nan-đà. Được y Ô Ba-nan-đà liền chú nguyện: “Nguyện cho người cúng y này tâm như anh lạc, tâm tư trợ, định huệ trang nghiêm, đắc đạo như thiên, tùy tình thọ dụng y phục thắng diệu, cuối cùng đến Niết-bàn an ổn vô thượng”, chú nguyện rồi bỏ đi.

Sau đó Liên-hoa-sắc đến đánh lễ Thế Tôn, Thế Tôn thấy năm y của Bí-sô ni cũ rách liền hỏi A-nan-đà: “Chúng Bí-sô ni khi an cư lợi dưỡng có đầy đủ không?”, đáp: “Thế Tôn, chúng ni an cư lợi dưỡng đầy đủ”, Thế Tôn hỏi: “Nếu thế thì tại sao năm y của Liên-hoa-sắc đều cũ rách?”, đáp: “Thế Tôn, Bí-sô ni này lòng tin vững chắc, ý thích thuần thiện, vật đã có được đều hoan hỉ hiến cúng Tam bảo, người đến xin đều không làm cho nghịch ý. Vừa rồi cô được một tấm bạch điệp quý giá đã cúng cho đại đức Ô-ba-nan-đà”. Thế Tôn hỏi: “Bí-sô ấy đối với ni không phải thân tộc này có lấy y không?”, đáp có lấy. Phật bảo A-nan-đà: “Nếu là Bí-sô không phải thân tộc thì sẽ không nghĩ đến Bí-sô ni này có đủ năm y không, tùy lúc nào cho thấy đều nhận lấy; ngược lại nếu là Bí-sô thân tộc sẽ không như vậy, thấy họ thiếu thốn sẽ không chịu nhận”. Phật lại bảo A-nan-đà: “Trong số y dư cất ở trong kho hãy lấy năm y đưa cho Bí-sô ni Liên-hoa-sắc”. A-nan-đà vâng lời Phật dạy vào trong kho lấy năm y đưa cho Liên-hoa-sắc. Lúc đó Phật do nhân duyên này nhóm các Bí-sô... đến câu: ... Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: **“Nếu lại có Bí-sô xin y từ Bí-sô ni không phải thân tộc, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca”**.

Thế Tôn chế học xứ này cho các Bí-sô rồi sau đó ở trong thành

Thất-la-phiệt có một trưởng giả giàu có, thọ dụng đầy đủ, gia sản nhiều như Tỳ sa môn thiên vương. Trưởng giả cưới một người con gái trong dòng tộc làm vợ, trải qua thời gian lâu mà vẫn không có con nên trong lòng ưu sầu suy nghĩ: “Ta tuy giàu có nhưng không có con nối dòng, sau khi ta chết nhà vua sẽ lấy cơ không con để tịch thu gia sản này. Tư lương đời sau ta cũng chưa tu tập”. Người vợ thấy chồng ưu sầu liền hỏi nguyên do, trưởng giả liền nói ý nghĩ của mình cho vợ nghe, người vợ nghe rồi liền hỏi: “Tu tập tư lương đời sau như thế nào?”, đáp: “Cúng dường thức ăn thịnh soạn rồi cúng cho Phật và tặng mọi vị một cặp bạch điệp thượng hảo, đó là tu tập tư lương đời sau”. Người vợ nghe rồi liền bảo người chồng làm ngay, người chồng liền đi đến chỗ Phật, đánh lễ rồi ngồi một bên, Phật thuyết diệu pháp cho trưởng giả, chỉ dạy được lợi hỉ rồi im lặng. Trưởng giả liền đứng dậy chắp tay bạch Phật: “Thế Tôn, con thỉnh Phật và chúng tăng sang mai đến nhà con thọ thực, xin thương xót”, Thế Tôn im lặng nhận lời, trưởng giả biết Thế Tôn đã thương xót nhận lời liền kính lễ rồi ra. Trở về nhà trong đêm đó trưởng giả sửa soạn đầy đủ các món ăn thượng diệu, đến sáng sớm lo trải tòa ngồi và nước rồi sai người đến thỉnh Phật và Tăng, Phật liền chấp trì y bát cùng các Bí-sô tới nhà thí chủ. Tới chỗ trưởng giả thiết thực Phật và Tăng theo thứ tự an tọa, thấy Phật và tăng như pháp ngồi rồi, trưởng giả liền tự tay dâng các món ăn thượng diệu cúng dường đầy đủ, sau đó dâng cúng mỗi vị một cặp bạch điệp thượng hạng rồi ngồi một bên nghe Phật thuyết pháp. Phật tùy theo căn tánh nói diệu pháp, chỉ dạy được lợi hỉ rồi chú nguyện cho thí chủ, sau đó trưởng giả tiễn đưa Phật và tăng ra về, đi nhiễu quanh Phật ba vòng, đánh lễ Phật rồi vào nhà. Trưởng giả tu niệm xả thí rồi vui mừng nói với vợ: “Hiền thủ nên vui mừng vì tôi đã làm xả thí tư lương cho đời sau”, người vợ nói: “Tuy anh đã làm rồi, nhưng em chưa làm”, trưởng giả nói: “Việc tu phước thí này há chẳng phải em có chung hay sao?”, người vợ nói: “Tuy biết có chung nhưng em vẫn muốn thỉnh Đại thế chủ và các Bí-sô ni đến nhà thọ thực và cúng cho mỗi vị một cặp bạch điệp thượng hạng. Đây mới chính là tư lương đời sau của em”, trưởng giả khen: “Hay lắm, tùy ý em muốn”. Người vợ của Trưởng giả liền đến chỗ Đại thế chủ đánh lễ rồi ngồi một bên, sau khi nghe diệu pháp rồi liền bạch: “Thánh giả, con xin thỉnh Thánh giả và các Bí-sô ni sáng mai đến nhà con thọ thực, xin thương xót”, ... giống như đoạn văn trên, cho đến đoạn vợ Trưởng giả đem chiếc rương lớn ra, trong đó đựng đầy bạch điệp. Đại thế chủ nhìn thấy liền suy nghĩ: “Thế Tôn chế giới không cho Bí-sô ni thọ nhận y phục thượng diệu, nay nếu

ta thọ thì trái với học xứ, nếu không thọ thì trở ngại thí chủ tu phước, các Bí-sô ni cũng mất lợi dưỡng”, lúc đó các Bí-sô ni cũng suy nghĩ: “Nếu Đại thế chủ nhận bạch điệp này thì tốt quá”. Đại thế chủ biết được tâm niệm của ni chúng liền suy nghĩ: “Thế Tôn nên nhân việc này cho ni thọ y tốt”. Nghĩ rồi Đại thế chủ liền cho chư ni thọ y rồi chú nguyện cho vợ Trưởng giả, khi trở về Đại thế chủ liền đến chỗ Thế Tôn đem việc trên bạch Phật, Phật bảo Đại thế chủ: “Lành thay, Như lai chưa cho mà bà đã biết thời, từ nay về sau cho phép Bí-sô ni thọ y quý giá, có thể trao đổi với các Bí-sô”. Đại thế chủ nghe Phật dạy rồi đánh lễ cáo lui, trở về trú xứ nói cho chư ni biết, các Bí-sô ni liền mang y đến trong rừng Thệ-đa đổi với các Bí-sô. Có chúng mười hai Bí-sô ni đem y quý giá này đến chỗ lục chúng muốn đổi lấy y thô, lục chúng nói: “Các cô cúng cho tôi, tôi còn chưa nhận hưởng chi là trao đổi”. Lại có Bí-sô ni mang y tốt này đến chỗ Bí-sô già muốn đổi lấy y thô, Bí-sô già nói: “Hãy đợi một chút chờ tôi bạch Phật”, nói rồi liền đến bạch Phật, Phật nói: “Ta cấm Bí-sô lấy y từ Bí-sô ni trừ đổi chác”. Lúc đó Thế Tôn khen ngợi trì giới, thiếu dục tri túc rồi bảo các Bí-sô: Trước là sáng chế nay là tùy khai, nên nói như sau: **“Nếu lại có Bí-sô thọ nhận y từ Bí-sô ni không phải là thân tộc phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca, trừ đổi chác”**.

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà.... Trừ đổi chác là đổi cho nhau thì không phạm.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Nếu Bí-sô đổi với Bí-sô ni không phải là thân tộc, khởi tướng không phải là thân tộc hoặc nghi mà nhận lấy y từ họ thì phạm tội Xả đọa.

Nếu Bí-sô đổi với ni thuộc thân tộc, khởi tướng không phải là thân tộc hoặc nghi thì phạm Ác-tác.

Không phạm là nếu Bí-sô ni đem y cúng cho Tăng, hoặc vì nghe thuyết pháp mà cúng hoặc vì thọ Viên cụ mà cúng hoặc thấy bị giặc cướp nên cúng, hoặc do mua mà có, hoặc do trao đổi mà được, tất cả đều không phạm.

Nếu Bí-sô ni quen biết nhiều người được cúng nhiều lợi dưỡng, đem y vật này đến chỗ Bí-sô để xuống đất nói rằng: “Thánh giả, những tài vật mà tôi có được này, xin Thánh giả thương xót thọ nhận”, nói rồi để đó bỏ đi, Bí-sô nhận lấy cũng không phạm. Lại nữa không phạm là người phạm giới ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn, bị thống não bức bách.

**Học Xứ Thứ Sáu: XIN Y TỪ CƯ SĨ KHÔNG PHẢI LÀ THÂN TỘC**

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiet, lúc đó có một trưởng giả trong thành này cưới vợ chưa bao lâu lại nói với vợ rằng: “Hiền thủ, nay tôi muốn mang hàng hóa đến phương khác buôn bán để bảo tồn gia nghiệp”, người vợ nói: “Lúc còn trẻ nên thọ dục lạc, đến khi già yếu hãy cầu tài lợi”, người chồng nói: “Hiền thủ, lúc tuổi còn trẻ có thể nhẫn chịu được gian khổ lạnh nóng đói khát trong khi cầu tài lợi; đến khi già yếu mới an hưởng thọ dụng”, người vợ nghe rồi liền nói: “Anh cứ tùy ý doanh cầu”. Nói rồi liền lo liệu những thứ cần dùng đi đường, người chồng cũng để lại một số tiền để chu cấp mọi thứ cho vợ sau đó sai người mang hàng hóa lên đường đến xứ khác doanh cầu. Người vợ ở nhà suy nghĩ: “Chồng ta vất vả đến phương khác doanh cầu, nhẫn chịu gian khổ cũng vì ta. Ta nay không nên ngồi yên một chỗ chờ đợi”, nghĩ rồi liền ra chợ mua Kiếp bối mang về dệt thành một bức diệp điệp, ướp bằng các loại hương thơm rồi cất vào trong cái tráp. Thời gian sau Trưởng giả buôn bán được tài lợi liền trở về, người vợ lấy nước nóng hòa với hương thơm cho chồng tắm rửa rồi lấy diệp điệp có ướp hương thơm từ trong tráp ra đưa cho chồng mặc. Trưởng giả nhìn thấy diệp điệp này liền suy nghĩ: “Số tiền mà ta để lại nhà không đủ mua được chiếc áo này”, nghĩ rồi liền hỏi vợ: “Hiền thủ, thượng y này từ đâu em có được?”, người vợ nói: “Anh cứ mặc đi đừng có hỏi”, người chồng mặc áo xong lại hỏi: “Áo đẹp này từ đâu em có được”, người vợ nói: “Anh hãy ăn cơm trước đã”, người chồng ăn xong lại hỏi như trước, người vợ liền kể lại việc làm của mình cho chồng nghe, người chồng nghe rồi khen rằng: “Hay thay Hiền thủ, anh là người cầu tài, còn em là người khéo giữ gìn gia nghiệp. Cứ như thế này không bao lâu tư tài trong nhà sẽ dư dả”, người vợ nói: “Chiếc áo đẹp này là do em vất vả làm ra, anh hãy giữ lấy mặc, đừng có cho ai”, người chồng nói: “Anh hứa”. Sau đó trưởng giả với tâm thuần thiện đi đến trong rừng Thệ-đa kính lễ Thế Tôn, khi từ trong thành đi ra người giữ cửa thành trông thấy liền suy nghĩ: “Nhìn chiếc áo Trưởng giả đang mặc đủ biết ông đã được nhiều tài lợi”. Lúc đó lục chúng đang đứng ở trước cửa ngõ ở rừng Thệ-đa, Ô-ba-nan-đà từ xa trông thấy Trưởng giả đi đến liền suy nghĩ: “Nhìn chiếc áo Trưởng giả đang mặc đủ biết ông ta đã cầu tài lợi được như ý. Nếu ta không xin được chiếc áo này thì ta không còn gọi là Ô-ba-nan-đà nữa”. Nghĩ rồi liền bước tới nói: “Thiện lai trưởng giả, ông đã đi đâu, lâu rồi mới thấy đến?”, Trưởng giả nói: “Thánh giả, tôi đến phương khác cầu tài lợi nay mới vừa trở về

nên đến đánh lễ Thế Tôn”, Ô-ba-nan-đà hỏi: “Có được nhiều tài lợi không?”, đáp: “Nhiều ít không chừng đỗi, miễn sao đừng trở về tay không là được”. Ô-ba-nan-đà nói: “Tôi đã đoán biết trước, khi thấy nước trong ao chảy ra liền biết nước ao lắng sâu; mắt nhìn thấy áo đẹp liền biết Trưởng giả được nhiều tài lợi. Nhưng Trưởng giả gần đây có tâm tham doanh cầu không dứt nên chưa hề tu tạo tư lương dành cho đời sau. Trưởng giả hãy đến đây, tôi sẽ nói pháp cho ông nghe”. Trưởng giả liền ngồi một bên nghe thuyết pháp, Ô-ba-nan-đà khi thuyết pháp, nếu nói về nhân duyên trì giới thì người nghe pháp liền cho rằng tự thân sanh lên cõi trời; nếu nói về nhân duyên bố thí thì người nghe pháp có thể tự cắt thịt mình để phụng thí; nếu nói về nhân duyên nghiệp tội thì người nghe pháp liền cho rằng tự thân bị đọa vào đường ác. Lúc đó Ô-ba-nan-đà nói pháp thí tương ứng, trưởng giả nghe rồi sanh tâm tín kính nói: “Thánh giả, tôi may mắn được nghe diệu pháp như thế, hiện tôi có một cặp bạch điệp sẽ đem cúng cho Thánh giả”. Ô-ba-nan-đà liền chú nguyện cho Trưởng giả rồi theo xin y, Trưởng giả nói: “Y hiện để ở nhà, sáng mai tôi sẽ mang đến cho Thánh giả”, Ô-ba-nan-đà nói: “Hiền thủ, như Thế Tôn có dạy:

*“Tu phước nên làm ngay,  
Đâu biết ngày mai còn,  
Cuối cùng cùng thân chết,  
Nhất định sẽ gặp nhau”.*

Chiếc áo mà Trưởng giả đang mặc là bạch điệp tốt nhất nên thí cho tôi, tôi sẽ cắt rọc làm Tăng-già-chi hai lớp, trụ trong thiếu dục tu các phẩm thiện, phước thường giúp ông”. Trưởng giả nói: “Chẳng phải tôi tiếc chiếc áo, chỉ vì vợ tôi trước có căn dặn: “Chiếc áo này em vất vả làm cho anh mặc, đừng có cho ai”. Ô-ba-nan-đà nói: “Tôi từng nghe Trưởng giả hiền thiện tịnh tín, là bậc đại tướng phu. Nào ngờ Trưởng giả lại nghe lời vợ”, nói rồi Ô-ba-nan-đà đến trước Trưởng giả kéo tuột lấy lớp áo khoát ngoài, cầm xem rồi tỏ vẻ thất vọng, Trưởng giả duyên cớ vì sao, Ô-ba-nan-đà nói: “Ông có phước dâng cúng mà không có phước thọ dụng, cái giá mắc áo bị hủy thì không còn dùng để mặc áo nữa. Nếu tôi được luôn cả lớp áo trong của ông thì mới đủ may y Tăng-già-chi, lúc đó phước của ông mới viên mãn”. Trưởng giả nói: “Tôi đâu thể lộ hình trở về được”, Ô-ba-nan-đà nói: “Cần gì hình dung bên ngoài, chỉ lấy tánh bản xển hổ thẹn làm áo. Người không biết hổ thẹn dù mặc xiêm y cũng không khác kẻ trần truồng, Trưởng giả không có mặc áo lót sao?”, đáp có, Ô-ba-nan-đà nói: “Có thì được rồi, nay trưởng



giả bình đẳng với kẻ chăn bò, mình mặc áo lót, tay cầm chiếc roi làm kẻ chăn bò theo sau đàn bò vào thành, mọi người có thấy cũng không cho là kỳ quái”. Nói rồi kéo tuột lấy chiếc áo trong, trưởng giả chỉ còn mặc một chiếc áo lót trên người, Ô-ba-nan-đà trao cho Trưởng giả chiếc roi, Trưởng giả đành phải theo sau đàn bò vào thành. Người giữ cửa nhìn thấy liền hỏi: “Trưởng giả khi ra thành mặc áo bạch điệp tốt, sao nay lại lộ thể trở về, phải chăng là đã gặp cướp?”, trưởng giả nói: “Tôi không gặp cướp, tôi chỉ bị Thánh giả Ô-ba-nan-đà sau khi nói pháp cho tôi nghe liền cưỡng đoạt lấy áo của tôi”. Người giữ cửa nghe rồi liền chê bai mắng nhiếc, vừa lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc cùng năm trăm tùy tùng trên đường đi đến chỗ Phật, khi đi đến cửa thành người giữ cửa liền nói: “Trưởng giả tuy có đoàn tùy tùng nhưng cũng phải để ý kéo bị cướp”, trưởng giả nói: “Không lẽ trên đường đi đến vườn Cấp lại có cướp sao?”, người giữ cửa nói: “Trên đường đi không có cướp nhưng trong vườn Cấp lại có”, trưởng giả nói: “Này nam tử, bản tánh ác của người như lông dê đen không thể hối cải. Con đường này Phật và chúng Tăng thường đi lại tuy đã nhiều năm tháng trôi qua, nhưng người vẫn không đổi thành trắng được”. Người giữ cửa nói: “Trưởng giả, Thế Tôn và chúng Tăng đi qua tôi còn đánh lễ không dám bất kính, nhưng mới đây có một trưởng giả mặc chiếc áo thượng hảo đi vào trong vườn Cấp, Ô-ba-nan-đà sau khi nói pháp cho trưởng giả nghe rồi liền cưỡng đoạt lấy chiếc áo ấy, khiến trưởng giả chỉ còn mặc áo lót trên người phải đi theo sau đàn bò vào thành, vừa đi vừa chê trách, mọi người đều nghe biết”. Trưởng giả Cấp-cô-độc nghe rồi liền suy nghĩ: “Ta nên đem việc này bạch Phật”, nghĩ rồi liền vào trong vườn Cấp, lúc đó Ô-ba-nan-đà nhìn thấy liền nói thiện lai, trưởng giả nói: “Tôi không thiện lai”, Ô-ba-nan-đà nói: “Ông vừa rồi có khói, giờ đã bốc thành lửa”, trưởng giả nói: “Làm sao tôi không bốc thành lửa cho được, những người xuất gia khác đều muốn xả tham, chỉ riêng có đại đức là lòng tham tăng trưởng”, Ô-ba-nan-đà nói: “Tôi đã làm gì mà ông nói thế”, trưởng giả nói: “Chẳng phải hôm qua có người đến gặp Phật, Đại đức sau khi nói pháp cho họ nghe liền cưỡng đoạt áo của họ, khiến họ chỉ còn chiếc áo lót trên người phải theo sau đàn bò vào thành hay sao?”, Ô-ba-nan-đà nói: “Người đời thường nói: Chư thiên ưa thí naga quý liền ngăn”, trưởng giả nói: “Đâu thể người kia lại trút hết nước trong bình vàng đem thí cho Đại đức”, Ô-ba-nan-đà nói: “Ông chớ nhiều lời, nếu không nhẫn chịu được thì cứ bạch Thế Tôn chế giới”, trưởng giả nói: “Tôi không bỏ qua việc này, Đại đức cứ đợi đấy”. Trưởng giả nói rồi liền đến chỗ Phật,



đánh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: “Thế Tôn, trong Thánh chúng này có người xin y từ Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải thuộc thân tộc, cúi xin Thế Tôn làm ước niệm chớ để cho xin y từ Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải thuộc thân tộc”. Thế Tôn nghe rồi liền im lặng nhận lời, Trưởng giả biết Thế Tôn nhận lời liền đánh lễ rồi cáo lui. Trưởng giả đi rồi, Thế Tôn do nhân duyên này tập họp các Bí-sô... hỏi Ô-ba-nan-đà: “Thầy thật đã xin y từ Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải thuộc thân tộc phải không?”, đáp: “Thật đã xin thưa Thế Tôn”. Thế Tôn dùng đủ lời quở trách Ô-ba-nan-đà rồi bảo các Bí-sô... cho đến câu: ... Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: **“Nếu lại có Bí-sô xin y từ Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải thuộc thân tộc, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca”**.

Thế Tôn chế học xứ này cho các Bí-sô rồi, sau đó có bốn mươi Bí-sô du hành trong nhân gian gặp giặc cướp đoạt hết y phục nên cùng bàn bạc với nhau: “Thế Tôn đã chế giới không cho xin y từ Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải thuộc thân tộc. Chúng ta không có bà con ở đây không thể xin y được, đành phải trở lại thành Thất-la-phiệt nhờ các đồng phạm hạnh giúp đỡ”, một người nói: “Chúng ta lộ hình làm sao đi được?”. Sau khi bàn bạc tất cả đều nhất trí ban đêm đi, ban ngày ẩn mình, cứ như thế họ dần dần đi đến thành Thất-la-phiệt tới cửa chùa vào ban đêm. Các Bí-sô nơi đây đầu đêm sau đêm tỉnh giấc tư duy, khi nghe tiếng gõ cửa nhìn ra trông thấy đoàn người lộ hình liền nói vọng ra: “Này các ngoại đạo lộ hình, đây không phải là trú xứ của các vị”, đoàn người lộ hình liền đáp: “Cụ thọ, chúng tôi không phải là ngoại đạo”, liền hỏi: “Vậy các vị là ai?”, đáp: “Chúng tôi là Bí-sô”, liền nói: “Bí-sô đâu có như vậy”, đáp: “Chúng tôi bị giặc cướp đoạt hết y phục”, liền hỏi: “Các vị tên gì?”, đáp: “Chúng tôi gồm có bốn mươi Bí-sô khát thực tên là...”. Các Bí-sô trong chùa nghe nói rồi liền mở cửa cho vào nói rằng: “thiện lai các cụ thọ”. Các Bí-sô trong chùa cùng lấy y vật ra cứu giúp, người cho Tăng-già-chi, người cho Ôt-đát-la-tăng-già, người cho An-đát-bà-ta... Sáng hôm sau các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: “do nhân duyên này nên thêm câu: Trừ thời khác”. Thời khác là Bí-sô bị đoạt y, bị mất y, bị cháy y, bị nước cuốn trôi y, bị gió thổi bay mất y. Lúc đó Thế Tôn khen ngợi trì giới... rồi bảo các Bí-sô: Trước là sáng chế nay thêm tùy khai, học xứ này nên nói như sau: **“Nếu lại có Bí-sô xin y từ Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải thuộc thân tộc, phạm Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca, trừ thời khác”**.

Nếu lại có Bí-sô là chỉ cho Ô-ba-nan-đà. Xin là theo người cầu xin. Cướp là bị giặc cướp lấy. Mất là tự làm mất. Cháy là bị lửa cháy.

---

Gió thổi là bị gió thổi bay mất. Trôi là bị nước cuốn trôi. Có các nạn duyên kể trên xin y từ Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không phải thân tộc đều không phạm. Nếu khác với những nạn duyên này thì khi được y liền phạm Xả đọa. Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

Sự việc có ba loại: giá y, sắc y và lượng y.

Về giá y: Nếu Bì-sô không gặp nạn duyên mà đến Cư sĩ không phải thân tộc xin giá tiền y bằng một Ca-lợi-sa-ba-noa (trong giới Không cho mà lấy có giải thích) và được vào tay giá y bằng một Ca-lợi-sa-ba-noa thì khi xin phạm Ác-tác, khi được phạm Xả đọa. Như vậy cho đến giá tiền y bằng năm mươi Ca-lợi-sa-ba-noa, tùy xin tùy được kết tội nặng nhẹ chuẩn theo đó mà biết. Nếu Bì-sô đến Cư sĩ không phải thân tộc xin giá y bằng một Ca-lợi-sa-ba-noa, nhưng lại được giá y bằng hai Ca-lợi-sa-ba-noa thì khi xin phạm Ác-tác, khi được không phạm. Như vậy cho đến giá tiền y bằng năm mươi Ca-lợi-sa-ba-noa, xin ít nhưng được nhiều phạm và không phạm chuẩn theo đó mà biết.

Về sắc y: Nếu Bì-sô đến cư sĩ không phải thân tộc xin y màu xanh và được y màu xanh thì khi xin phạm Ác-tác, khi được phạm Xả đọa. Cho đến các màu khác như vàng đỏ trắng... y dày y mỏng... chuẩn theo đó mà biết. Nếu Bì-sô xin y màu xanh lại được y màu vàng thì khi xin phạm Ác-tác, khi được không phạm. Cho đến các màu sắc khác và dày mỏng hy vọng đối nhau cũng chuẩn theo đó mà biết.

Về lượng y: Nếu Bì-sô đến cư sĩ không phải thân tộc xin y bằng năm khuỷu tay và được y bằng năm khuỷu tay thì khi xin phạm Ác tác, khi được phạm Xả đọa. Cho đến xin y bằng năm mươi khuỷu tay hoặc xin y bằng năm khuỷu tay lại được y mười cho đến năm mươi khuỷu tay chuẩn theo đó mà biết. Nếu xin chỉ tơ lại được một miếng nhỏ, xin một miếng nhỏ lại được y dài rộng đều không phạm. Trường hợp không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

